

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày: 12 - 9 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm

Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 07, 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên H; Địa chỉ: Số 165 đường Rạch Rập, Khóm 1, Phường 8, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Trương Hoàng H1, sinh năm 1987 – Chức vụ: Giám đốc; Cư trú: Số 165, đường Rạch Rập, Khóm 1, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng San lắp T; Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh C.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Trần Văn T1 – Chức vụ: Giám đốc; Cư trú: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh C. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2022 và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên H là anh Trương Hoàng H1 trình bày:

- Vào ngày 20/11/2021 giữa Công ty TNHH Một thành viên H do anh Trương Hoàng H1 làm đại diện và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng San lắp T do anh Trần Văn T1 làm đại diện có ký kết Hợp đồng kinh tế số: 2011/HĐKT/2021 với các nội dung cụ thể như sau: Công ty T giao khoán trọn gói

các hạng mục cho Công ty H thực hiện thi công bao gồm: Phá dỡ, đắp cát, xây kè đá học, đường xây thêm, sửa chữa hệ thống thoát nước, sửa chữa tường rào, thu hồi đá rải nền trạm hiện hữu, hoàn chỉnh mặt bằng công trình: Đường dây 110KV Hòa Bình, Đông Hải, Bạc Liêu.

+ Địa điểm thi công: Huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

+ Giá hợp đồng: 800.000.000 đồng.

+ Thời gian thi công: 21 ngày kể từ ngày khởi công.

+ Ngày bàn giao mặt bằng: 23/11/2021.

+ Ngày khởi công: 25/11/2021.

+ Ngày hoàn thành: 16/12/2021.

+ Tạm ứng: Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty T sẽ ứng trước cho Công ty H số tiền 160.000.000 đồng (Tương ứng 20% giá trị hợp đồng). Số tiền tạm ứng này sẽ được Công ty T thu hồi giá trị tạm ứng trong các lần thanh toán như sau: Thu hồi 35% giá trị tạm ứng trong lần thanh toán lần 1, thu hồi 35% giá trị tạm ứng trong lần thanh toán lần 2, thu hồi 30% giá trị tạm ứng trong lần thanh toán lần 3.

+ Thanh toán: Bằng hình thức chuyển khoản. Việc thanh toán được chia thành 04 lần (Số tiền thanh toán giai đoạn không vượt quá 70% khối lượng hoàn thành), cụ thể như sau:

Công ty T thanh toán cho Công ty H, các lần thanh toán giai đoạn khi Công ty H làm hoàn thành từng hạng mục tại mục 1.2 hợp đồng và được giám sát và chủ đầu tư ký bằng xác nhận khối lượng hoàn thành. Lần thanh toán cuối sau khi công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng sẽ thanh toán cho Công ty H không quá 95% tổng giá trị hợp đồng. Công ty T giữ lại 5% giá trị quyết toán của Công ty H sau thời gian 01 năm, Công ty T sẽ làm biên bản nghiệm thu bảo hành, sau khi hết thời gian bảo hành, nếu có bảo hành sửa chữa, Công ty T yêu cầu Công ty H sửa chữa, sau khi sửa chữa xong Công ty T sẽ thanh toán 5% giá trị bảo hành còn lại cho Công ty H.

Hồ sơ thanh toán bao gồm: Công văn đề nghị thanh toán; Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận đại diện bên giao thầu và đại diện nhà thầu; Bảng xác định giá trị cho những công việc phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng (Nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện bên giao thầu thực hiện hợp đồng và đại diện nhà thầu; Đề nghị thanh toán của nhà thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (Nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện nhà thầu; 01 bản gốc hóa đơn giá trị gia tăng ghi hợp pháp và hợp lệ, ghi rõ 100% giá trị thanh toán khối lượng đã được nghiệm thu.

- Tuy tại hợp đồng kinh tế đôi bên thỏa thuận ngày khởi công là ngày 25/11/2021 nhưng Công ty T chậm tạm ứng tiền cho Công ty H theo thỏa thuận

nên ngày khởi công là ngày 03/12/2021 (Ngày Công ty T tạm ứng tiền cho Công ty H).

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã tạm ứng và thanh toán cho Công ty H tổng số tiền 485.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- + Ngày 03/12/2021 tạm ứng 100.000.000 đồng.
- + Ngày 04/12/2021 tạm ứng 60.000.000 đồng.
- + Ngày 24/12/2021 thanh toán 100.000.000 đồng.
- + Ngày 29/12/2021 thanh toán 40.000.000 đồng
- + Ngày 02/01/2022 thanh toán 30.000.000 đồng.
- + Ngày 09/01/2022 thanh toán 5.000.000 đồng.
- + Ngày 26/01/2022 thanh toán 150.000.000 đồng.

- Việc thi công được Công ty H hoàn thành vào ngày 31/12/2021. Công ty H nhiều lần yêu cầu Công ty T nghiệm thu hoàn thành và bàn giao công trình theo hợp đồng nhưng Công ty T không thực hiện. Đến ngày 10/01/2022 Công ty T tổ chức nghiệm thu công trình với sự có mặt của đại diện chủ đầu tư là Công ty cổ phần Đầu tư Xây Lắp Điện Miền Bắc Việt Nam (Địa chỉ: Tầng M, tòa tháp A, Sky Tower, 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội) và Công ty H.

- Sau khi nghiệm thu hoàn thành, Công ty H lập hồ sơ thanh toán bao gồm: Công văn đề nghị thanh toán; Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành và các bản gốc hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền theo hợp đồng là 800.000.000 đồng. Anh H1 đã gặp và giao hồ sơ thanh toán cho anh T1 tại quán cà phê ở Phường 8, thành phố Cà Mau vào ngày 28/01/2022. Anh T1 hứa mang hồ sơ về Công ty T đóng dấu rồi thanh toán số tiền còn lại cho Công ty H nhưng sau đó cố tình tránh mặt, không nghe điện thoại, không gửi lại hồ sơ thanh toán cũng như không thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng là 315.000.000 đồng cho Công ty H.

- Do Công ty T còn nợ số tiền 315.000.000 đồng theo hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa đôi bên nên Công ty H yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền này và bồi thường khoản thanh toán chậm trả mỗi ngày 1% trên số tiền 315.000.000 đồng, từ ngày 10/01/2022 cho đến ngày giải quyết xong vụ án và trong giai đoạn thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Nay anh H1 – Người đại diện theo pháp luật của Công ty H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, Công ty TNHH Một thành viên H chỉ yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng San lắp T thanh toán số tiền 315.000.000 đồng theo Hợp đồng kinh tế số: 2011/HĐKT/2021 ngày 20/11/2021 đã ký kết giữa đôi bên. Không tiếp tục yêu cầu bồi thường do chậm thanh toán như tại đơn khởi kiện.

Đối với bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng San lắp T:
Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Trần Văn T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng San lắp T để tham gia phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng anh T1 không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng San lấp T về nội dung khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Anh Trần Văn T1 là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng San lấp T (Gọi tắt là Công ty T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên H (Gọi tắt là Công ty H): Tại phiên tòa, anh Trương Hoàng H1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty H rút một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, Công ty H yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền còn lại theo Hợp đồng kinh tế số: 2011/HĐKT/2021 ngày 20/11/2021 là 315.000.000 đồng, không tiếp tục yêu cầu bồi thường do chậm thanh toán như tại đơn khởi kiện. Do việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty H đòi bị đơn Công ty T thanh toán số tiền còn lại theo Hợp đồng kinh tế số: 2011/HĐKT/2021 ngày 20/11/2021 là 315.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 20/11/2021 giữa Công ty H do anh Trương Hoàng H1 làm đại diện và Công ty T do anh Trần Văn T1 làm đại diện đã ký kết Hợp đồng kinh tế số: 2011/HĐKT/2021 với các nội dung đúng như lời trình bày của anh H1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty H.

Khoản 2 Điều 138 Luật Xây dựng quy định:

“2. Nguyên tắc ký kết hợp đồng xây dựng gồm:

- a) Tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, không trái pháp luật và đạo đức xã hội;
- b) Bảo đảm có đủ vốn để thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng;
- c) Đã hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu và kết thúc quá trình đàm phán hợp đồng;
- d) Trường hợp bên nhận thầu là liên danh nhà thầu thì phải có thỏa thuận liên danh. Các thành viên trong liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào hợp đồng xây dựng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”.

Điều 139 Luật Xây dựng quy định:

“1. Hợp đồng xây dựng có hiệu lực khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Người ký kết hợp đồng phải có đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- b) Bảo đảm các nguyên tắc ký kết hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 của Luật này;
- c) Bên nhận thầu phải có đủ điều kiện năng lực hoạt động, năng lực hành nghề xây dựng theo quy định của Luật này.

2. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng xây dựng là thời điểm ký kết hợp đồng hoặc thời điểm cụ thể khác do các bên hợp đồng thỏa thuận”.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng, cả anh H1 và anh T1 đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật; bảo đảm các nguyên tắc ký kết hợp đồng xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Luật Xây dựng; bên nhận thầu là Công ty H có đủ điều kiện năng lực hoạt động, năng lực hành nghề xây dựng; hợp đồng có đầy đủ các nội dung của một hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 141 Luật Xây dựng. Do đó, Hợp đồng kinh tế số: 2011/HĐKT/2021 ngày 20/11/2021 giữa Công ty T và Công ty H có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm ký kết hợp đồng và thực tế đôi bên đã thực hiện các thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết.

Khoản 3 Điều 138 Luật Xây dựng quy định:

“3. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng xây dựng gồm:

- a) Các bên hợp đồng phải thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng về phạm vi công việc, yêu cầu chất lượng, số lượng, chủng loại, thời hạn, phương thức và các thỏa thuận khác;
- b) Trung thực, hợp tác và đúng pháp luật;
- c) Không xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, cộng đồng và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác”.

Tại Hợp đồng kinh tế, đôi bên thỏa thuận sau khi ký kết hợp đồng, bên giao thầu là Công ty T sẽ ứng trước cho Công ty H số tiền 160.000.000 đồng. Ngày khởi công là ngày Công ty T cho Công ty H tạm ứng số tiền này. Thực tế vào ngày 03/12/2021 Công ty T đã chuyển khoản tạm ứng số tiền này cho Công ty H. Do đó, ngày khởi công được xác định là ngày 03/12/2021 và ngày hoàn thành việc thi công là ngày 31/12/2021 đúng như lời trình bày của người đại diện Công ty H.

Từ ngày khởi công đến ngày 15/12/2021, Công ty H đã thực hiện việc thi công theo các cam kết trong hợp đồng nên vào ngày 15/12/2021 Công ty T đã xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán lần 01 với Công ty H.

Tuy từ ngày 16/12/2021 đến ngày 31/12/2021, Công ty T không tiếp tục xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng với Công ty H nhưng Công ty T đã tiếp tục thanh toán cho Công ty H số tiền 140.000.000 đồng (Ngày

24/12/2021 thanh toán 100.000.000 đồng và ngày 29/12/2021 thanh toán 40.000.000 đồng), do đó có cơ sở xác định trong thời gian này Công ty H đã thực hiện việc thi công theo các cam kết trong hợp đồng đã ký kết với Công ty T.

Người đại diện của Công ty H xác định: Sau khi hoàn thành việc thi công, Công ty H đã nhiều lần yêu cầu Công ty T nghiệm thu hoàn thành và bàn giao công trình theo hợp đồng nhưng Công ty T không thực hiện. Đến ngày 10/01/2022 Công ty T tổ chức nghiệm thu công trình với sự có mặt của đại diện chủ đầu tư là Công ty cổ phần Đầu tư Xây Lắp Điện Miền Bắc Việt Nam và Công ty H. Ngày 28/01/2022 anh H1 đã gửi hồ sơ thanh toán cho anh T1 nhưng anh T1 cố tình tránh mặt, không gửi lại hồ sơ thanh toán cũng như không thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng là 315.000.000 đồng cho Công ty H.

Xét thấy, vào các ngày 26, 27, 28/01/2022 Công ty H đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000027, 0000028, 0000029 cho Công ty T với tổng số tiền theo Hợp đồng kinh tế là 800.000.000 đồng (Bút lục 05, 06, 07). Công ty H đã kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp của 03 hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên tại kỳ khai thuế quý 01 năm 2022 (Bút lục 125, 126, 127, 128). Việc Công ty H kê khai thuế đồng nghĩa với việc Công ty T sẽ được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với các hóa đơn này. Việc Công ty H đã kê khai nộp thuế đối với số tiền 800.000.000 đồng thể hiện Công ty H đã thực hiện xong công việc như đã thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa đôi bên. Bên cạnh đó, sau khi tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành vào ngày 10/01/2022, Công ty T tiếp tục chuyển khoản thanh toán tiền cho Công ty H. Do đó, có cơ sở xác định Công ty H đã lập và gửi hồ sơ thanh toán theo thỏa thuận tại mục 1.6 Hợp đồng kinh tế cho Công ty T đúng như lời trình bày của người đại diện Công ty H mặc dù Công ty H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là hồ sơ thanh toán có xác nhận của đại diện Công ty T.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có Công văn số: 90/CV-TA ngày 12/7/2022 đề nghị Cục Thuế tỉnh Cà Mau cung cấp thông tin người nộp thuế là Công ty T (Bút lục 42). Tại Công văn số: 1283/CTCMA-TTKT2 ngày 05/8/2022, Cục thuế tỉnh Cà Mau xác định (Bút lục 43): “Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng San lắp T hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2001328894 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/5/2020, do ông Trần Văn T1, giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật. Công ty T hoạt động từ ngày 08/5/2020 cho đến nay, cụ thể chi tiết gửi tờ khai đến cơ quan thuế như sau:

- Tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT: Quý 2, quý 3, quý 4/2020 và quý 2, quý 3, quý 4/2021 không phát sinh mua vào, bán ra.

- Tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT: Quý 1/2021 phát sinh mua vào 236.548.992 đồng, thuế GTGT đầu vào 23.654.899 đồng; hàng hóa, dịch vụ bán ra 261.817.600 đồng, thuế GTGT đầu ra 26.181.760 đồng; thuế GTGT phải

nộp trong kỳ là 2.526.861 đồng và quý 1/2022 phát sinh mua vào 32.125.000 đồng, thuế GTGT đầu vào 3.212.500 đồng; hàng hóa, dịch vụ bán ra 34.125.000 đồng, thuế GTGT đầu ra 3.412.500 đồng; thuế GTGT phải nộp trong kỳ là 200.000 đồng.

- Tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT: Quý 2/2022 Công ty T chưa nộp, tính đến ngày 03/8/2022 công ty đã nộp chậm so với quy định là 02 ngày, Cục thuế tỉnh Cà Mau có Thông báo số 1442/TB-CTCMA ngày 04/8/2022 về việc yêu cầu nộp hồ sơ khai thuế”.

Căn cứ vào Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn khách hàng Công ty TNHH Một thành viên H từ ngày 01/12/2021 đến ngày 15/7/2022 do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cà Mau phát hành (Bút lục 39, 40, 41) và việc kê khai thuế của Công ty T, xác định Công ty T chưa thanh toán số tiền còn lại 315.000.000 đồng cho Công ty H nên chưa thể kê khai để được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với số tiền 800.000.000 đồng theo Hợp đồng kinh tế đã ký kết với Công ty H, mặc dù Công ty H đã kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp của số tiền này tại kỳ khai thuế quý 01 năm 2022.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy: Công ty H đã hoàn thành việc thi công, lập hồ sơ thanh toán theo thỏa thuận tại mục 1.2 và 1.6 Hợp đồng kinh tế; Công ty T đã tạm ứng và thanh toán cho Công ty H số tiền 485.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 315.000.000 đồng là chưa thực hiện đúng thỏa thuận về thanh toán tại mục 1.4 Hợp đồng kinh tế. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H, buộc Công ty T thanh toán cho Công ty H số tiền 315.000.000 đồng còn lại theo Hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa đôi bên.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn Công ty T phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Cụ thể, Công ty T phải chịu án phí số tiền 15.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 138, 139, 140, 141, 144 Luật Xây dựng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường khoản thanh toán chậm trả mỗi ngày 1% trên số tiền 315.000.000 đồng, từ ngày 10/01/2022 cho đến ngày giải quyết xong vụ án và trong giai đoạn thi hành án theo quy định của pháp luật của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên H, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên H.

Buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng San lắp T thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên H số tiền 315.000.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu đồng).

3. Về án phí:

- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng San lắp T phải chịu án phí số tiền 15.750.000 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), chưa nộp.

- Công ty TNHH Một thành viên H không phải chịu án phí. Ngày 23/5/2022 Công ty TNHH Một thành viên H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 7.875.000 đồng (Bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004858 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng San lắp T có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Hà